

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Diệp

2. Bà Trịnh Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HN ngày 05 tháng 3 năm 2021** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng N

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Trương Hoàng S

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Hồng N trình bày: Chị và anh Trương Hoàng S chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh S không lo làm

ăn mà thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến vợ chồng hay cự cãi mất hạnh phúc. Chị cũng đã cho anh S cơ hội nhưng anh S không thay đổi và đã sống ly thân từ khoảng năm 2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh S không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh S có 02 con chung tên Trương Hoàng P, sinh năm 2006 và Trương Kim N1, sinh năm 2013, hiện tại các con đang sống chung với chị. Chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn **anh Trương Hoàng S** quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Phạm Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Trương Hoàng S tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Trương Hoàng S, hiện tại có nơi cư trú tại ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt: Anh Trương Hoàng S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S chung sống với nhau từ năm 2006, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh S chung sống phát sinh

mâu thuẫn do anh S không chăm lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh S không đến tham dự. Chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị N và anh S đã sống ly thân từ từ năm 2016 cho đến nay mà không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh S.

[2]. Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị N và anh S sống với nhau có 02 con chung tên Trương Hoàng P, sinh ngày 01/11/2006 và Trương Kim N1, sinh ngày 25/11/2013, từ lúc ly thân đến nay các cháu sống chung với chị N, anh S biết chị N yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Do cháu P và cháu T hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của các cháu và tại Tò nêu ý kiến của cháu P và cháu N1, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Trương Hoàng P, sinh năm 4/11/2006 và Trương Kim N1, sinh ngày 25/11/2013 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Phạm Hồng N phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

Áp dụng các **Điều 56, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều **27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Hồng N được ly hôn với anh Trương Hoàng S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Hoàng P. Giới tính: Nam, sinh ngày 4/11/2006 và Trương Kim N1. Giới tính: Nữ, sinh ngày 25/11/2013 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Hoàng S chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu.

Anh Trương Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005579 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Hồng N và anh Trương Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn